

THỰC TRẠNG ĐIỀU TRA CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ CỦA VIỆT NAM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

NGUYỄN NGỌC HÀ *

Tóm tắt: Chống bán phá giá có thể được sử dụng như một trong những công cụ để đảm bảo sự cạnh tranh lành mạnh trên thị trường nước nhập khẩu. Kể từ khi ban hành các quy định về chống bán phá giá, Việt Nam đã tiến hành điều tra ba vụ việc. Trên cơ sở phân tích thực trạng điều tra chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam, bài viết nhấn mạnh một số vấn đề pháp lý cần lưu ý, bao gồm: sự tuân thủ các quy định của WTO về chống bán phá giá và việc áp dụng pháp luật nước ngoài trong điều tra chống bán phá giá. Từ đó, bài viết đề xuất một số khuyến nghị nhấn mạnh đến việc cần tuân thủ chặt chẽ các quy định của WTO khi tiến hành các cuộc điều tra chống bán phá giá và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về chống bán phá giá.

Từ khóa: Chống bán phá giá; điều tra; thực trạng; Việt Nam.

Nhận bài: 07/5/2018

Hoàn thành biên tập: 09/10/2018

Duyệt đăng: 19/10/2018

CURRENT SITUATION OF VIETNAM'S ANTI-DUMPING INVESTIGATIONS AND SOME ISSUES RAISED

Abstract: Anti-dumping measures can be used as one of the trade remedies to ensure a fair competition in the importing country. Since the promulgation of the first anti-dumping regulations, Vietnam has investigated three cases. Based on the analysis of the current situation of these anti-dumping investigations, the paper highlights some noticeable legal issues, including the compliance with WTO-anti-dumping rules and the application of foreign law in anti-dumping investigation. Based on that the paper proposes some recommendations to emphasise the need to strictly comply with the WTO rules while anti-dumping investigations are being conducted and to improve the anti-dumping law of Vietnam.

Key words: Anti-dumping; investigation; current situation; Vietnam

Received: May 7th, 2018; Editing completed: Oct 9th, 2018; Accepted for publication: Oct 19th, 2018.

Sau gần một thập kỉ ban hành, Pháp lệnh về việc chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam năm 2004 (sau đây gọi tắt là Pháp lệnh chống bán phá giá năm

2004) đã được áp dụng lần đầu khi Bộ trưởng Bộ công thương kí quyết định tiến hành điều tra chống bán phá giá đối với thép không gỉ cán nguội đến từ Trung Quốc, Malaysia, Indonesia và Đài Loan⁽²⁾ (sau đây gọi tắt là vụ Thép không gỉ cán nguội). Tính đến tháng 3/2018, Việt Nam đã tiến hành

* Giảng viên, Trường đại học ngoại thương Hà Nội
E-mail: hann@ftu.edu.vn

(1). Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài khoa học cấp cơ sở “Luật quản lí ngoại thương năm 2017 và một số thách thức khi thực thi”, Trường đại học ngoại thương, mã số NTCS2008-02.

(2). Quyết định số 4460/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ công thương ngày 02/7/2013 về việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá.

điều tra thêm hai vụ việc khác đối với thép mạ (vụ Thép mạ)⁽³⁾ và thép chữ H (vụ Thép chữ H)⁽⁴⁾ với kết luận là hàng hoá thuộc diện điều tra đều bị áp thuế chống bán phá giá do đáp ứng đầy đủ các điều kiện mà Pháp lệnh chống bán phá giá năm 2004 đưa ra.

Quá trình áp dụng Pháp lệnh chống bán phá giá năm 2004 vào các vụ việc nêu trên cho thấy, về cơ bản, các vụ điều tra chống bán phá giá đều được tiến hành trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật trong nước và Hiệp định chống bán phá giá của Tổ chức thương mại thế giới. Đây là một trong những yếu tố quan trọng giúp cơ quan có thẩm quyền đưa ra được những quyết định có khả năng thiết lập được các điều kiện cạnh tranh công bằng trên thị trường trong nước, từ đó bảo vệ được lợi ích chính đáng của các doanh nghiệp Việt Nam bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, quá trình điều tra và kết quả điều tra cũng chỉ ra một số điểm bất cập mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cần phải xem xét. Tầm quan trọng của vấn đề có thể được nhìn nhận từ hai góc độ. Thứ nhất, Luật quản lý ngoại thương năm 2017 đã chính thức có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018. Các quy định về chống bán phá giá trong Luật quản lý ngoại thương năm 2017 sẽ chính thức thay thế Pháp lệnh chống bán phá giá năm 2004 và các văn bản dưới luật có liên quan. Tính đến tháng 04/2018, chưa có vụ việc chống bán phá giá nào mới được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tiến hành. Do đó,

(3). Quyết định số 818/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ công thương ngày 03/3/2016 về việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá.

(4). Quyết định số 3993/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ công thương ngày 05/10/2016 về việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá.

phân tích những vấn đề còn bất cập trong quá trình điều tra các vụ việc chống bán phá giá đã diễn ra sẽ có ý nghĩa giúp cơ quan có thẩm quyền lưu ý khi áp dụng Luật quản lý ngoại thương năm 2017 vào điều tra các vụ việc mới. Thứ hai, việc khắc phục các hạn chế này sẽ đảm bảo thực hiện tốt các cam kết cũng như nghĩa vụ của Việt Nam trong WTO, từ đó hạn chế nguy cơ bị các thành viên WTO khác khởi kiện ra WTO.

Bài viết này, trên cơ sở phân tích thực trạng điều tra chống bán phá giá của Việt Nam, sẽ tập trung chỉ ra một số vấn đề pháp lý mà Việt Nam cần xem xét để hoàn thiện và đề xuất một số khuyến nghị đối với Việt Nam.

1. Thực trạng điều tra chống bán phá giá của Việt Nam

Như trên đã nêu, Việt Nam đã điều tra chống bán phá giá trong ba vụ việc với kết quả cho thấy các sản phẩm bị điều tra đều được bán phá giá khi xuất khẩu vào thị trường Việt Nam. Cụ thể, đối với mặt hàng thép không gỉ cán nguội, Việt Nam đã quyết định áp thuế chống bán phá giá chính thức ở mức từ 3,07% đến 37,39%;⁽⁵⁾ đối với mặt hàng thép mạ (tôn mạ), thuế chống bán phá giá chính thức được áp ở mức từ 3,17% đến 38,34%;⁽⁶⁾ và đối với thép chữ H, thuế chống bán phá giá chính thức ở mức từ 20,48% đến 29,17%⁽⁷⁾ (xem chi tiết ở Bảng 1).

(5). Quyết định số 7896/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ công thương ngày 05/9/2014 áp dụng biện pháp chống bán phá giá.

(6). Quyết định số 1105/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ công thương ngày 30/3/2017 áp dụng biện pháp chống bán phá giá.

(7). Quyết định số 3283/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ công thương ngày 21/8/2017 áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức đối với một số mặt hàng thép hình chữ H có xuất xứ từ Cộng hoà nhân dân Trung Hoa.

Bảng 1: Kết quả điều tra chống bán phá giá do Việt Nam tiến hành trong thời gian qua (tính đến ngày 15/3/2018)⁽⁸⁾

STT	Năm khởi xướng điều tra	Mặt hàng bị điều tra	Nước bị điều tra	Quyết định áp thuế chống bán phá giá chính thức
1.	2013	Thép không gỉ cán nguội	Trung Quốc, Malaysia, Indonesia, Đài Loan	- Trung Quốc: 4,64 - 6,87%; - Indonesia: 3,07% - Malaysia: 10,71% - Đài Loan: 13,79 - 37,29%.
2.	2015	Thép mạ (tôn mạ)	Trung Quốc (bao gồm cả Hồng Kông), Hàn Quốc	- Trung Quốc: 3,17 - 38,34% - Hàn Quốc: 7,02 - 19,0%
3.	2016	Thép chữ H	Trung Quốc (bao gồm cả Hồng Kông)	20,48% - 29,17%

Xem xét các vụ việc được thực hiện và các quyết định điều tra chống bán phá giá đã được ban hành, có thể thấy thực trạng điều tra chống bán phá giá của Việt Nam thời gian qua nổi lên một số điểm đáng chú ý sau đây:

Thứ nhất, các vụ việc điều tra đều tập trung vào ngành thép

Cả ba vụ việc đã được thực hiện đều liên quan đến các sản phẩm thép khác nhau, như thép không gỉ, thép mạ hay thép chữ H. Các doanh nghiệp nộp đơn yêu cầu điều tra chống bán phá giá lên Bộ công thương đều là những doanh nghiệp thống lĩnh thị trường. Trong vụ Thép không gỉ cán nguội, hai doanh nghiệp yêu cầu điều tra là Công ty TNHH

Posco VST có thị phần là 81,5% và Công ty CP Inox Hoà Bình có thị phần là 7,8%.⁽⁹⁾ Điều này cũng tương tự đối với vụ Thép mạ⁽¹⁰⁾ và Thép chữ H.⁽¹¹⁾ Có thể thấy các

(9). Trung tâm WTO - Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam, “Giải pháp tăng cường sử dụng các công cụ phòng vệ thương mại nhằm chuẩn bị cho doanh nghiệp trong nước sẵn sàng cho việc mở cửa thị trường thực thi các FTA và Cộng đồng kinh tế ASEAN”, *Báo cáo nghiên cứu*, Hà Nội, 2014, tr. 21, http://www.trungtamwto.vn/sites/default/files/wto-center/attachments/nguyen_cuu_pvtm-cefiiv.pdf, truy cập ngày 30/8/2018.

(10). Trong vụ việc này, bốn doanh nghiệp có đơn yêu cầu mở cuộc điều tra là Công ty cổ phần China Steel Sumikin Việt Nam, Công ty TNHH Tôn Phương Nam, Công ty CP thép Phương Nam và Công ty CP Tôn Đông Á. Bốn công ty này cùng với ba công ty khác (Công ty CP tập đoàn Hoa Sen, Công ty CP Đại Thiên Lộc, Công ty TNHH công nghiệp Chính Đại) có thị phần chiếm 84,19% lượng hàng hoá tương tự sản xuất trong nước. Xem: Phụ lục 1 – Thông báo về việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời – Tóm tắt kết luận điều tra sơ bộ, kèm theo Quyết định số 3584/QĐ-BCT ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ công thương về áp dụng biện pháp chống bán phá giá

(8). Hội đồng tư vấn về phòng vệ thương mại, *Thống kê các vụ điều tra chống bán phá giá do Việt Nam tiến hành với hàng hoá nước ngoài nhập khẩu*, http://chongbanphagia.vn/Modules/News/Uploaded/38/201704_240910_2432thong-ke-cac-vu-viec-dieu-tra-cbpg-do-viet-nam-tien-hanh-170424.pdf, truy cập ngày 20/12/2017.

doanh nghiệp ngành thép của Việt Nam đã chủ động trong việc tìm hiểu và áp dụng quy định pháp luật có liên quan đến chống bán phá giá để bảo vệ lợi ích của mình khi bị ảnh hưởng bởi sự cạnh tranh không lành mạnh của hàng hoá nhập khẩu nước ngoài. Ngược lại, việc các vụ việc mới chỉ tập trung vào ngành thép, không thuộc những mặt hàng nhập khẩu hàng đầu của Việt Nam, cho thấy các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực khác chưa thực sự quan tâm đến việc vận dụng công cụ phòng vệ thương mại này để chống lại việc bán phá giá của hàng hoá nhập khẩu.⁽¹²⁾

Thứ hai, các cuộc điều tra liên quan đến sản phẩm nhập khẩu từ một số quốc gia châu Á trong đó có Trung Quốc

Các thông tin từ Bảng 1 chỉ ra rằng các sản phẩm bị điều tra chống bán phá giá được nhập khẩu từ một số quốc gia châu Á. Đối với vụ Thép không gỉ cán nguội, sản phẩm bị điều tra được nhập khẩu từ Trung Quốc, Malaysia, Indonesia và Đài Loan; đối với vụ

Thép mạ, sản phẩm bị điều tra được nhập khẩu từ Trung Quốc và Hàn Quốc; đối với vụ Thép chữ H, sản phẩm bị điều tra được nhập khẩu từ Trung Quốc (bao gồm cả Hồng Kông). Đây là dấu hiệu tích cực, giải toả phần nào băn khoăn của người tiêu dùng Việt Nam tồn tại từ lâu về việc hàng hoá được nhập khẩu vào Việt Nam, trong đó có hàng hoá từ Trung Quốc, có được bán phá giá hay không. Kết luận của cơ quan chức năng cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu của Trung tâm WTO thuộc Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam vào năm 2014, theo đó: “Có tới gần 1/3 các doanh nghiệp trả lời khảo sát cho rằng có tồn tại hiện tượng hàng hoá nước ngoài bán sang Việt Nam với giá thậm chí còn rẻ hơn giá bán tại thị trường nước họ”.⁽¹³⁾ Vì vậy, kết quả tích cực của ba cuộc điều tra nêu trên có thể sẽ được coi là yếu tố thúc đẩy đề doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực, ngành nghề khác trút bỏ sự “thờ ơ” của mình để yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành điều tra chống bán phá giá đối với hàng hoá nhập khẩu nhằm bảo vệ tốt hơn các lợi ích của ngành sản xuất trong nước.

Thứ ba, có sự chênh lệch giữa thuế chống bán phá giá tạm thời với thuế chống bán phá giá chính thức

Trong cả ba vụ việc kể trên, sau một thời gian áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời, cơ quan chức năng đã có sự điều chỉnh đối với thuế chống bán phá giá chính thức (xem Bảng 2):

(13). Trung tâm WTO – Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam, tldd, tr. 26.

tạm thời, tr. 1.

(11). Vụ việc này chỉ có một doanh nghiệp duy nhất (Công ty TNHH Posco SS Vina) yêu cầu khởi xướng điều tra. Công ty này chiếm 100% thị phần thép chữ H sản xuất trong nước. Xem: Phụ lục II - Kết luận điều tra sơ bộ vụ việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số mặt hàng thép hình H có xuất xứ từ Cộng hoà nhân dân Trung Hoa (bao gồm cả Hồng Kông), kèm theo Quyết định số 957/QĐ-BCT ngày 21/3/2017 của Bộ trưởng Bộ công thương về áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời đối với một số mặt hàng thép hình chữ H có xuất xứ từ Cộng hoà nhân dân Trung Hoa (bao gồm cả Hồng Kông), đoạn 64.

(12). Xem thêm: Trung tâm WTO - Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam, tldd, tr. 22 - 23.

Bảng 2: Sự chênh lệch giữa thuế chống bán phá giá tạm thời và thuế chống bán phá giá chính thức trong các cuộc điều tra chống bán phá giá của Việt Nam⁽¹⁴⁾

STT	Mặt hàng bị điều tra	Nước bị điều tra	Quyết định áp thuế chống bán phá giá tạm thời	Quyết định áp thuế chống bán phá giá chính thức
1.	Thép không gỉ cán nguội	Trung Quốc, Malaysia, Indonesia, Đài Loan	- Trung Quốc: 6,45 - 6,99% - Indonesia: 12,03% - Malaysia: 14,38% - Đài Loan: 13,23 - 30,73%	- Trung Quốc: 4,64 - 6,87%; - Indonesia: 3,07% - Malaysia: 10,71% - Đài Loan: 13,79 - 37,29%
2.	Thép mạ (tôn mạ)	Trung Quốc (bao gồm cả Hồng Kông), Hàn Quốc	- Trung Quốc: 4,02 - 38,34% - Hàn Quốc: 12,04%	- Trung Quốc: 3,17 - 38,34% - Hàn Quốc: 7,02 - 19,0%
3.	Thép chữ H	Trung Quốc (bao gồm cả Hồng Kông)	21,18 - 36,33%	20,48% - 29,17%

Từ Bảng 2, có thể thấy xu hướng thuế chống bán phá giá được điều chỉnh giảm từ quyết định áp thuế chống bán phá giá tạm thời tới quyết định áp thuế chống bán phá giá chính thức. Tuy nhiên, cũng có trường hợp thuế chống bán phá giá chính thức được điều chỉnh tăng lên, như trường hợp của Đài Loan trong vụ Thép không gỉ cán nguội, hay của Hàn Quốc trong vụ Thép mạ. Điều này cho thấy cơ quan điều tra đã có những tính toán và điều chỉnh sau khi áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời cho hợp lý hơn. Đây cũng được coi là việc làm phù hợp để vừa bảo hộ được ngành sản xuất trong nước, vừa đảm bảo mục tiêu thương mại công bằng.

(14). Hội đồng tư vấn về phòng vệ thương mại, *Thống kê các vụ điều tra chống bán phá giá do Việt Nam tiến hành với hàng hoá nước ngoài nhập khẩu*, <http://chongbanphagiamodules/news/uploaded/38/2017042409102432thong-ke-cac-vu-viec-dieu-tra-cbpg-do-viet-nam-tien-hanh-170424.pdf>, truy cập ngày 30/7/2018.

Thứ tư, biện pháp chống bán phá giá được áp dụng đều tồn tại dưới dạng thuế chống bán phá giá

Pháp luật chống bán phá giá của Việt Nam cho phép cơ quan điều tra đưa ra quyết định áp dụng các biện pháp khác nhau khi xác định các yếu tố để áp dụng các biện pháp chống bán phá giá thoả mãn. Theo quy định của Chương 3 Pháp lệnh chống bán phá giá năm 2004 cũng như Hiệp định chống bán phá giá, hai biện pháp chính có thể được sử dụng là: biện pháp thuế (áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời và chính thức) và biện pháp cam kết giá.⁽¹⁵⁾ Tuy nhiên, trong cả ba vụ việc mà Việt Nam tiến hành, không có bất kỳ cam kết giá nào được đưa ra. Các biện pháp chống bán phá giá được áp dụng là thuế chống bán phá giá tạm thời và thuế chống bán phá giá chính thức. Đây cũng là

(15). Điều 21 Pháp lệnh chống bán phá giá năm 2004.

thực trạng chung và phù hợp với thực tiễn điều tra chống bán phá giá gần đây trên thế giới.⁽¹⁶⁾

Như vậy, với ba cuộc điều tra đầu tiên, sự chủ động của doanh nghiệp cùng với sự vào cuộc kịp thời của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, lợi ích của ngành sản xuất trong nước đã được bảo vệ chống lại sự cạnh tranh không lành mạnh của hàng hoá nhập khẩu nước ngoài.

2. Những vấn đề đặt ra từ thực trạng điều tra chống bán phá giá của Việt Nam

Bên cạnh những kết quả tích cực, các cuộc điều tra đó cũng cho thấy một số vấn đề mà Việt Nam cần phải giải quyết là: sự tuân thủ các quy định của WTO liên quan đến điều tra chống bán phá giá và việc áp dụng pháp luật nước ngoài khi pháp luật Việt Nam quy định không cụ thể về vấn đề có liên quan.

2.1. Sự tuân thủ các quy định của WTO về chống bán phá giá

Đối với ba vụ điều tra chống bán phá giá, Việt Nam đã quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức.⁽¹⁷⁾ Các quyết định áp thuế chống bán phá giá chính thức không đính kèm kết quả điều tra chính thức. Do đó, với các kết quả điều tra sơ bộ được công khai cùng với việc ban hành quyết định áp thuế chống bán phá giá chính thức cho thấy một số điểm mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam chưa tuân thủ đầy đủ các quy định của WTO là:

Thứ nhất, về việc đánh giá thiệt hại của ngành sản xuất trong nước

Điều 3.4 Hiệp định chống bán phá giá quy định: “Việc kiểm tra ảnh hưởng của hàng nhập khẩu được bán phá giá đối với ngành sản xuất trong nước có liên quan phải bao gồm việc đánh giá tất cả các nhân tố và chỉ số có ảnh hưởng đến tình trạng của ngành sản xuất, trong đó bao gồm mức suy giảm thực tế và tiềm ẩn của doanh số, lợi nhuận, sản lượng thị phần, năng suất, tỉ lệ lãi đối với đầu tư, tỉ lệ năng lực được sử dụng; các nhân tố ảnh hưởng đến giá trong nước, độ lớn của biên độ bán phá giá; ảnh hưởng xấu thực tế hoặc tiềm ẩn đối với chu chuyển tiền mặt, lượng lưu kho, công ăn việc làm, tiền lương, tăng trưởng, khả năng huy động vốn hoặc nguồn đầu tư. Danh mục trên chưa phải là đầy đủ, dù có một hoặc một số nhân tố trong các nhân tố trên cũng không nhất thiết đưa ra kết luận mang tính quyết định”.

Điều khoản này liệt kê tối thiểu 15 tiêu chí cần được áp dụng để xác định thiệt hại của ngành sản xuất trong nước dưới tác động của hàng hoá nhập khẩu bị bán phá giá. Tính chất bắt buộc của 15 tiêu chí này đã được Ban hội thẩm trong vụ tranh chấp European Communities - Anti-dumping duties on Imports of cotton-type bed linen from India chỉ ra.⁽¹⁸⁾ Đồng thời, theo Ban hội thẩm, trong trường hợp không thể đánh giá được đầy đủ 15 tiêu chí vì có thể một số tiêu chí là không phù hợp cho cuộc điều tra đó, cơ quan có thẩm

(16). WTO, tldd, G/L/1193, G/ADP/24, tr. 13 - 18.

(17). Quyết định số 7896/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ công thương ngày 05/9/2014 về áp dụng biện pháp chống bán phá giá (đối với một số sản phẩm thép không gỉ cán nguội, ở dạng cuộn hoặc tấm); Quyết định số 1656/QĐ-BCT ngày 29/4/2016 về kết quả rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm thép không gỉ cán nguội nhập khẩu.

(18). Xem nhận định của Ban hội thẩm trong: *European Communities - Anti-dumping duties on Imports of cotton-type bed linen from India*, Report of Panel, 30 October 2000, WT/DS141/R, đoạn 6.154-6.159.

quyền điều tra phải nói rõ điều đó trong kết luận điều tra chính thức của mình. Nói cách khác, không có sự giải thích này, việc không đánh giá đầy đủ 15 tiêu chí sẽ bị coi là sự không tuân thủ của thành viên đang tiến hành cuộc điều tra đối với các quy định bắt buộc của Điều 3.4 Hiệp định chống bán phá giá.⁽¹⁹⁾ Sự không tuân thủ yêu cầu của Điều 3.4 có thể dẫn đến hậu quả là việc đánh giá thiệt hại của ngành sản xuất trong nước, một trong ba yếu tố quyết định để áp thuế chống bán phá giá, là thiếu căn cứ pháp lí, nhất là theo câu cuối cùng của Điều 3.4. Hậu quả là thành viên điều tra chống bán phá giá có thể bị Ban hội thẩm hoặc Cơ quan phúc thẩm của WTO kết luận là vi phạm Điều 3.4 Hiệp định chống bán phá giá.

Trong cả ba kết luận điều tra sơ bộ được công bố đối với ba vụ việc mà Việt Nam tiến hành trong thời gian qua, cơ quan điều tra (Cục quản lí cạnh tranh (trước đây) và Cục phòng vệ thương mại (hiện nay)) đều không phân tích đầy đủ 15 tiêu chí. Ví dụ: trong tóm tắt kết luận điều tra sơ bộ đối với vụ Thép mạ, Cục quản lí cạnh tranh chỉ xác định các tác động đối với 11 tiêu chí (giá, sản lượng, công suất thiết kế và công suất sử dụng, lượng hàng bán, tồn kho, thị phần, doanh thu và lợi nhuận, đầu tư và về lao động). Bốn tiêu chí khác là tỉ lệ năng lực

được sử dụng, chu chuyển tiền tệ, tiền lương và khả năng huy động vốn hoặc khả năng huy động nguồn đầu tư không được đề cập. Đồng thời, trong kết luận sơ bộ, Cục quản lí cạnh tranh cũng không nêu rõ lí do vì sao các tiêu chí này không được đánh giá. Đây cũng là tình trạng xảy ra đối với vụ Thép không gỉ cán nguội và vụ Thép chữ H. Như vậy, có thể thấy Việt Nam đã không tuân thủ yêu cầu của Điều 3.4 Hiệp định chống bán phá giá.

Thứ hai, về việc công bố kết quả điều tra chính thức

Theo Điều 12.2 Hiệp định chống bán phá giá, tất cả các quyết định sơ bộ, quyết định chính thức hay quyết định về việc chấp nhận cam kết giá trong cuộc điều tra chống bán phá giá đều phải được công khai. Liên quan đến quyết định chính thức, quy định tại Điều 12.2.2. nêu rõ quyết định này phải bao gồm các thông tin về “*thực tế hay quy định pháp luật và các lí do đưa tới việc thực hiện các biện pháp chính thức (...). Đặc biệt, thông báo hay báo cáo sẽ đưa ra các thông tin như mô tả trong đoạn 2.1 (...)*”. Đoạn 2.1 (tức là Điều 12.2.1) quy định các thông tin phải có trong thông báo về việc áp dụng các biện pháp tạm thời.⁽²⁰⁾

Tuy nhiên, trong ba vụ điều tra chống bán phá giá của Việt Nam, các quyết định áp

(19). Trong vụ tranh chấp nêu trên, Cộng đồng châu Âu đã bị Ban hội thẩm đưa ra quyết định là không tuân thủ Điều 3.4 Hiệp định chống bán phá giá lên sản phẩm ga trải giường từ Ấn Độ, Cộng đồng châu Âu chỉ đánh giá 7 tiêu chí, bao gồm: sản xuất, khối lượng hàng bán ra, giá trị hàng hoá bán ra, thị phần, tiến triển về giá, lợi nhuận và lao động, tldđ, WT/DS141/R, đoạn 6.165 và 6.169.

(20). Các thông tin này bao gồm: 1) tên gọi của các công ti cung ứng hàng, hoặc trong trường hợp không có đầy đủ thông tin, tên nước cung cấp; 2) mô tả hàng hoá đáp ứng yêu cầu của hải quan; 3) mức bán phá giá và giải thích đầy đủ các lí do cho các phương pháp được áp dụng trong việc tính toán và so sánh giá xuất khẩu và giá trị thông thường của sản phẩm theo Điều 2; 4) sự xem xét có liên quan tới xác định thiệt hại theo yêu cầu của Điều 3; 5) các lí do chính đưa đến quyết định cuối cùng”.

dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức không đi kèm với báo cáo kết quả điều tra chính thức. Chính xác hơn, các quyết định áp dụng biện pháp chống bán phá giá được Bộ trưởng Bộ công thương ban hành đều đi kèm với một phụ lục có tiêu đề: “Thông báo về việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức đối với một số mặt hàng...”. Phụ lục này hàm chứa một số thông tin cơ bản như: hàng hoá bị áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức; kết luận điều tra cuối cùng; thuế chống bán phá giá chính thức; hướng dẫn xác định mức thuế chống bán phá giá chính thức; mức chênh lệch thuế chống bán phá giá; thời hạn áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức; thủ tục tiếp theo và thông tin liên hệ. Các thông tin này đều không hàm chứa đầy đủ những yêu cầu được nêu tại Điều 12.2 Hiệp định chống bán phá giá của WTO, nhất là phần thông tin về kết luận điều tra cuối cùng. Nói cách khác, các thông tin như trong kết quả điều tra sơ bộ, đều không được công khai. Do đó, đây là việc Việt Nam không tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ của mình theo Điều 12.2 Hiệp định chống bán phá giá. Ngoài ra, Việt Nam cũng có thể bị cáo buộc vi phạm nguyên tắc minh bạch, một trong những nguyên tắc quan trọng của WTO.

Những phân tích ở trên cho thấy, ở một số điểm, các cơ quan nhà nước Việt Nam chưa thực sự tuân thủ tốt các quy định của WTO về chống bán phá giá. Việc này dẫn đến nguy cơ Việt Nam có thể bị khởi kiện ra WTO với các biện pháp được áp dụng không phù hợp với quy định của WTO (measures as applied) bên cạnh các biện pháp bị khởi kiện vì chính bản thân biện pháp đó không tương thích với quy

định của WTO (measures as such).⁽²¹⁾ Do đó, Việt Nam cần lưu ý và đảm bảo tuân thủ tốt hơn các quy định có liên quan trong các cuộc điều tra chống bán phá giá sắp tới.

2.2. Áp dụng pháp luật nước ngoài trong quá trình điều tra chống bán phá giá

Khác với hai vụ Thép không gỉ cán nguội và Thép mạ, trong vụ Thép chữ H, cơ quan điều tra đã gặp phải khó khăn khi đánh giá thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước. Nếu trong hai vụ đầu, việc đánh giá thiệt hại được tiến hành với ngành sản xuất trong nước đã hình thành thì ở vụ việc thứ ba, cơ quan phải xác định ngành sản xuất thép chữ H ở Việt Nam đã hình thành hay chưa cũng như thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất thép chữ H của Việt Nam có tồn tại dưới dạng “ngăn cản sự hình thành ngành sản xuất trong nước do tác động của hàng hoá bị điều tra bán phá giá” theo quy định của khoản 7 Điều 2 Pháp lệnh chống bán phá giá năm 2004 cũng như theo ghi chú số 9 Hiệp định chống bán phá giá của WTO hay không. Về hai vấn đề này, Pháp lệnh chống bán phá giá năm 2004, các văn bản hướng dẫn và Hiệp định chống bán phá giá không có quy định cụ thể. Do đó, để xác định sự hình thành của ngành sản xuất thép chữ H của Việt Nam, cơ quan điều tra đã thực hiện một số công việc: 1) dẫn chiếu đến một số từ

(21) Về vấn đề này, xem thêm: Alan Sykes, “An economic perspective on as such/facial versus as applied challenges in the WTO and US constitutional systems”, *International Law and Justice Working Papers*, 2013/4, tr. 4 - 11, http://www.iilj.org/wp-content/uploads/2016/08/Sykes-An-Economic-Perspective-on-As-Such-or-Facial-versus-As-Applied-Challenges-IILJ-WP-2013_4-IEL.pdf, truy cập ngày 30/7/2018.

điền để giải thích một số thuật ngữ có liên quan; 2) dẫn chiếu đến các tiêu chí đánh giá một ngành sản xuất được coi là chưa hình thành theo “*thực tiễn và thông lệ điều tra của các nước*”,⁽²²⁾ đặc biệt là theo “*các tiêu chí mà Ủy ban thương mại quốc tế Hoa Kỳ (USITC) sử dụng*” với diễn giải như sau:

“122. Do không có bất kì hướng dẫn nào của WTO cũng như của pháp luật chống bán phá giá của Việt Nam, vì vậy để đánh giá liệu một ngành sản xuất đã hình thành hay chưa, Cơ quan điều tra tham khảo và sử dụng các tiêu chí mà Ủy ban thương mại quốc tế Hoa Kỳ (USITC) sử dụng khi đánh giá vấn đề này, cụ thể gồm:

i) Thời gian hoạt động của ngành sản xuất trong nước;

ii) Các đặc điểm của ngành sản xuất trong nước;

iii) Quy mô hoạt động của ngành sản xuất trong nước so với toàn bộ thị trường Việt Nam;

iv) Liệu ngành sản xuất trong nước đã đạt đến điểm hoà vốn tài chính hợp lý hay chưa;

v) Liệu đây có phải là sự hình thành ngành sản xuất mới hay chỉ là một dây chuyền mở rộng của ngành sản xuất hiện tại”.⁽²³⁾

Có thể thấy, dù có nhắc đến thực tiễn và thông lệ điều tra của các nước, cơ quan điều tra, trên thực tế, chỉ áp dụng các tiêu chí được xác định trong pháp luật Hoa Kỳ để đánh giá

về việc hình thành của một ngành công nghiệp trong nước. Đây là quyết định táo bạo của cơ quan điều tra khi pháp luật Việt Nam cũng như các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên “im lặng” về vấn đề này. Tuy nhiên, cách thức tiến hành của cơ quan điều tra làm phát sinh một số câu hỏi: Cơ quan điều tra chống bán phá giá của Việt Nam có quyền áp dụng pháp luật nước ngoài không? Nếu cơ quan điều tra không có quyền áp dụng pháp luật nước ngoài, vậy các quyết định có liên quan của Bộ công thương trong vụ Thép chữ H có bị ảnh hưởng gì không?

Về câu hỏi thứ nhất, có thể thấy việc tiến hành điều tra chống bán phá giá của hàng hoá nước ngoài khi nhập khẩu vào Việt Nam là một thủ tục hành chính⁽²⁴⁾ được Pháp lệnh chống bán phá giá năm 2004 trao cho Bộ thương mại (sau đó là Bộ công thương) thực hiện. Để giải quyết một thủ tục hành chính, cơ quan hành chính cũng phải áp dụng hai loại quy định: quy định về thủ tục hành chính và quy định về nội dung. Các quy định về thủ tục hành chính nêu rõ quy trình, trình tự hay thủ tục về mặt hành chính cần tuân thủ. Pháp lệnh chống bán phá giá năm 2004 nêu rõ: “*Việc giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm pháp luật về chống bán phá giá hàng hoá vào Việt Nam được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam; trong trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác thì thực hiện theo điều ước quốc tế đó*”.⁽²⁵⁾ Đồng

(22). Bộ công thương, Cục quản lý cạnh tranh, *Kết luận điều tra sơ bộ vụ việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số mặt hàng thép hình H có xuất xứ từ Cộng hoà nhân dân Trung Hoa (bao gồm cả Hồng Kông)*, ADO3, ngày 04/3/2017, đoạn 118.

(23). Bộ công thương, Cục quản lý cạnh tranh, *t.đd.*, ADO3, đoạn 122.

(24). Xem khái niệm về “thủ tục hành chính” trong *Giáo trình luật hành chính Việt Nam*, Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật hành chính Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2010, tr. 141 - 147.

(25). Điều 27 Pháp lệnh chống bán phá giá năm 2004.

thời, Luật quản lí ngoại thương năm 2017 cũng khẳng định: “*Nhà nước quản lí ngoại thương theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*”.⁽²⁶⁾

Nói cách khác, các quy định của Pháp lệnh chống bán phá giá năm 2004 hay của Luật quản lí ngoại thương năm 2017 đều góp phần khẳng định nguyên tắc chung của pháp luật hành chính Việt Nam khi thực hiện các thủ tục hành chính là cơ quan hành chính, về mặt thủ tục, sẽ tuân thủ pháp luật Việt Nam và các điều ước mà Việt Nam là thành viên.

Đối với luật nội dung, Pháp lệnh chống bán phá giá năm 2004 cũng như Luật quản lí ngoại thương năm 2017 không quy định về việc áp dụng pháp luật nước ngoài. Cần lưu ý là trong một số thủ tục hành chính ở Việt Nam, việc áp dụng pháp luật nước ngoài được quy định cụ thể bởi các quy phạm xung đột. Ví dụ, với các quy phạm xung đột dẫn chiếu đến việc áp dụng pháp luật nước ngoài trong quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài được đưa vào Bộ luật dân sự năm 2015,⁽²⁷⁾ các cơ quan hành chính Việt Nam có liên quan đến các quan hệ đó sẽ áp dụng pháp luật nước ngoài được dẫn chiếu đến. Hay theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cơ quan đăng kí kết hôn của Việt Nam, khi xem xét điều kiện đăng kí kết hôn của công dân nước ngoài với công dân Việt Nam được thực hiện tại cơ quan đó, phải xem xét đến điều kiện đăng kí kết hôn của người nước ngoài đó theo luật pháp của quốc gia mà người đó mang

quốc tịch.⁽²⁸⁾ Điều này cho thấy, nếu không có các quy phạm xung đột dẫn chiếu đến việc áp dụng pháp luật nước ngoài, cơ quan hành chính của Việt Nam không thể tự quyết định việc áp dụng pháp luật nước ngoài.

Cũng cần khẳng định thêm là một số văn bản pháp luật của Việt Nam liên quan đến thủ tục hành chính đã dự trù tình huống theo đó, nếu pháp luật Việt Nam không có quy định, các tập quán và thông lệ quốc tế có liên quan sẽ được áp dụng.⁽²⁹⁾ Tuy nhiên, các quy định này cũng chỉ dẫn chiếu đến tập quán và thông lệ quốc tế, chứ không dẫn chiếu đến pháp luật nước ngoài với ý nghĩa là pháp luật của một quốc gia khác.

Quay trở lại với vụ Thép chữ H, việc dẫn chiếu đến pháp luật Hoa Kỳ trong kết quả điều tra sơ bộ khi pháp luật chống bán phá giá của Việt Nam không có quy phạm xung đột, cũng như không có quy định cụ thể nào

(28). Điều 126 khoản 1 Luật hôn nhân và gia đình: “*Trong việc kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, mỗi bên phải tuân theo pháp luật của nước mình về điều kiện kết hôn; nếu việc kết hôn được tiến hành tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam thì người nước ngoài còn phải tuân theo các quy định của Luật này về điều kiện kết hôn*”.

(29). Ví dụ, Luật hải quan năm 2014 quy định: “*Đối với những trường hợp mà Luật này, văn bản pháp luật khác của Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên chưa có quy định thì có thể áp dụng tập quán và thông lệ quốc tế liên quan đến hải quan, nếu việc áp dụng tập quán và thông lệ quốc tế đó không trái với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam*” (Điều 5 khoản 2). Luật quốc tịch năm 2008 quy định: “*Vấn đề phát sinh từ tình trạng công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài được giải quyết theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, trường hợp chưa có điều ước quốc tế thì được giải quyết theo tập quán và thông lệ quốc tế*” (Điều 12 khoản 1)...

(26). Khoản 1 Điều 4 Luật quản lí ngoại thương năm 2017.

(27). Ví dụ, xem các điều từ Điều 667 đến Điều 670 và các quy định trong Chương XXVI và Chương XXVII của Bộ luật dân sự năm 2015.

về lĩnh vực này, là vấn đề vượt quá thẩm quyền của cơ quan điều tra. Ngoài ra, việc tự quyết định áp dụng pháp luật Hoa Kỳ cũng làm phát sinh hàng loạt các câu hỏi khác mà câu trả lời không được thể hiện trong Kết quả điều tra sợ bộ. Có thể nêu ra một số câu hỏi như: *Thứ nhất*, hiện nay, nhiều quốc gia trên thế giới có quy định về việc xác định ngành công nghiệp chưa hình thành,⁽³⁰⁾ tại sao cơ quan điều tra lại chỉ áp dụng pháp luật Hoa Kỳ? *Thứ hai*, vụ việc có liên quan đến các sự kiện pháp lí diễn ra tại Trung Quốc (xác định giá trị thông thường của thép chữ H tại thị trường Trung Quốc) và Việt Nam (xác định thiệt hại của ngành sản xuất trong nước), tại sao cơ quan điều tra lại áp dụng pháp luật Hoa Kỳ cho một sự kiện pháp lí không liên quan gì đến Hoa Kỳ? *Thứ ba*, các tiêu chuẩn mà pháp luật Hoa Kỳ đưa ra thường rất cao, do đó liệu chúng có phù hợp với hoàn cảnh và thực tiễn của Việt Nam? Phải chăng việc áp dụng các tiêu chuẩn cao đó thể hiện sự “thiên vị” của cơ quan chức năng của Việt

(30). Prakask Narayanan, “Injury Investigation in ‘Material Retardation’ Antidumping Cases”, *Northwestern Journal of International Law & Business*, 2004, vol. 25, no. 1, tr. 37 - 68; David Palmeter, “Material Retardation in the Establishment of an Industry Standard in Antidumping Cases”, *Journal of World Trade Law*, 1987, vol. 21, no. 6, tr. 113 - 116; Hyung Jin Kim, “Korean Anti-dumping System”, *Journal of World Trade*, 1996, vol. 30, no. 2, tr. 101 - 132; Kofi Oteng Kufour, “Africa and the Anti-Dumping Issues in the Doha Round”, *African Journal of International and Comparative Law*, 2009, vol. 17, no. 1, tr. 166 - 176; Sheela Rai, “Analysis of the Draft Anti-dumping Agreement, Chairperson’s Text 2007 in Light of the Jurisprudential Background”, *Manchester Journal of International Economic Law*, 2008, vol. 5, no. 2, tr. 126 - 145.

Nam dành cho ngành sản xuất trong nước, mà theo đó, lại vi phạm nguyên tắc “công bằng” trong điều tra chống bán phá giá?⁽³¹⁾

Từ các phân tích ở trên cho thấy, khi Pháp lệnh chống bán phá giá năm 2004 cũng như các văn bản pháp luật có liên quan không quy định về việc áp dụng pháp luật nước ngoài, việc cơ quan điều tra áp dụng pháp luật Hoa Kỳ trong vụ *Thép chữ H* là không phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam trong quá trình giải quyết vụ việc chống bán phá giá.

Về câu hỏi thứ hai, có thể thấy, hậu quả của việc viện dẫn và áp dụng các tiêu chí xác định ngành công nghiệp chưa hình thành trong pháp luật Hoa Kỳ đã dẫn đến cơ quan điều tra kết luận ngành sản xuất thép chữ H của Việt Nam chưa hình thành.⁽³²⁾ Từ đó, cơ quan điều tra tiếp tục xem xét và khẳng định thép chữ H nhập khẩu từ Trung Quốc có bán phá giá và việc bán phá giá này đã gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất nội địa Việt Nam. Dù rằng việc áp dụng pháp luật trong quá trình điều tra của cơ quan điều tra không chính xác, quyết định áp thuế chống bán phá giá tạm thời và chính thức không bị các doanh nghiệp nước ngoài khiếu nại. Tính đến tháng 3/2018, thời hạn khiếu nại đã hết, vì theo Pháp lệnh chống bán phá giá năm 2004, nếu các doanh nghiệp Trung Quốc muốn khiếu nại, thời hạn khiếu nại sẽ là sáu mươi ngày kể từ ngày Bộ trưởng Bộ công thương ra quyết định về việc áp dụng thuế chống bán phá giá.⁽³³⁾ Cần lưu ý là dù thời

(31). Điều 17.6 Hiệp định chống bán phá giá của WTO.

(32). Bộ công thương, Cục quản lí cạnh tranh, tldd. AD03, đoạn 143.

(33). Khoản 2 Điều 26 Pháp lệnh chống bán phá giá năm 2004.

hạn khiếu nại không còn, các doanh nghiệp có liên quan vẫn có quyền khởi kiện vụ án hành chính theo đúng quy định của Luật tố tụng hành chính năm 2015.⁽³⁴⁾

3. Khuyến nghị và kết luận

Từ các nội dung được phân tích ở trên, bài viết đề xuất hai khuyến nghị dưới đây:

Thứ nhất, cần tuân thủ chặt chẽ các quy định của WTO khi tiến hành các cuộc điều tra chống bán phá giá

Việc tham gia ngày càng sâu vào thương mại quốc tế đòi hỏi Việt Nam phải nắm chắc, tuân thủ và vận dụng đầy đủ các quy định của “luật chơi” mà WTO xây dựng. Với việc hoàn thành điều tra áp thuế chống bán phá giá trong ba vụ việc, Việt Nam cho thấy sự sẵn sàng của mình trong việc áp dụng các công cụ phòng vệ thương mại để bảo vệ lợi ích của ngành sản xuất trong nước. Tuy nhiên, ở điểm này hay điểm khác, Việt Nam còn cho thấy chưa thực sự hiểu rõ các quy tắc mà WTO đưa ra và diễn giải. Điều này dẫn đến trong quá trình áp dụng các quy tắc đó còn có những sự không tương thích tạo ra nguy cơ Việt Nam có thể bị khởi kiện tại WTO.

Thứ hai, hoàn thiện pháp luật Việt Nam về chống bán phá giá

Có thể thấy một trong những khó khăn mà cơ quan điều tra của Việt Nam gặp phải là sự thiếu vắng các quy định cụ thể về xác định thiệt hại, xác định ngành công nghiệp chưa hình thành cũng như về công bố kết quả điều

tra chống bán phá giá. Ngày 15/01/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 10/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại. Nghị định đã bổ sung nhiều quy định quan trọng về các vấn đề nêu trên. Tuy nhiên, các quy định này vẫn còn tồn tại những điểm cần phải hoàn thiện là:

Về xác định thiệt hại của ngành sản xuất trong nước, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP nêu rõ: “1. Việc xác định thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước dựa trên cơ sở xem xét các yếu tố sau đây: (...) c) Tác động của hàng hoá bị bán phá giá (...) đối với tình trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành sản xuất trong nước, bao gồm mức suy giảm thực tế, suy giảm tiềm ẩn của doanh thu, lượng hàng bán, lợi nhuận, sản lượng, thị phần, công suất, năng suất, đầu tư; các yếu tố ảnh hưởng đến giá bán trong nước; độ lớn của biên độ bán phá giá (...); và ảnh hưởng bất lợi thực tế và tiềm ẩn đối với dòng tiền, tồn kho, lao động, tiền lương, khả năng huy động vốn”. Có thể thấy đây là việc nội luật hoá gần đầy đủ các quy định của Điều 3.4 Hiệp định chống bán phá giá, vì hai tiêu chí về “tỉ lệ lãi đối với nhà đầu tư” và “tỉ lệ năng lực được sử dụng” chưa được quy định. Như đã phân tích ở trên, các tiêu chí mà Điều 3.4 Hiệp định chống bán phá giá đưa ra là bắt buộc, vì vậy sự thiếu vắng hai tiêu chí kể trên trong pháp luật Việt Nam có thể dẫn đến việc cơ quan điều tra bỏ qua các tiêu chí đó trong quá trình đánh giá thiệt hại của ngành sản xuất trong nước. Khi đó, Việt Nam có thể bị khiếu kiện về việc không tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ của mình trong WTO.

(34). Khoản 1 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Xem thêm: Đoàn Thị Ngọc Hải, “Thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính theo quy định của Luật tố tụng hành chính năm 2015”, <http://www.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nguyen-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2104>, truy cập ngày 30/7/2018.

Đồng thời, đối với việc xác định sự hình thành ngành sản xuất trong nước và xác định ngăn cản đáng kể sự hình thành của ngành sản xuất trong nước cũng đã được quy định cụ thể trong Điều 25 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP. Liên quan đến các tiêu chí về xác định sự hình thành của ngành sản xuất trong nước, có thể thấy các tiêu chí được đưa vào Nghị định là các tiêu chí đã được áp dụng trong vụ Thép chữ H, nói cách khác là các tiêu chí mà pháp luật Hoa Kỳ sử dụng. Các tiêu chí này có phù hợp với điều kiện của Việt Nam hay không vẫn là một câu hỏi chưa có giải đáp thoả đáng. Đồng thời, các tiêu chí đưa ra mới mang tính định tính, chưa có những tiêu chí định lượng cụ thể. Ví dụ: điểm b và c khoản 1 Điều này đưa ra các tiêu chí như “thời gian hoạt động của ngành sản xuất trong nước”, “quy mô hoạt động của ngành sản xuất trong nước so với toàn bộ thị trường”. Đây đều là các tiêu chí có thể lượng hoá nhưng lại không được lượng hoá. Điều này có thể dẫn đến nguy cơ cơ quan điều tra có thể áp dụng một cách “tuỳ tiện”, gây tác động bất lợi đến các điều kiện cạnh tranh của thị trường.

Đối với quyết định áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức, khoản 2 Điều 44 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP đã mô tả khá nhiều nội dung cần phải có trong quyết định.⁽³⁵⁾ Tuy nhiên, hai trong những nội dung

quan trọng theo yêu cầu của Điều 12.2.2 Hiệp định chống bán phá giá về “*giải thích đầy đủ các lí do cho các phương pháp được áp dụng trong việc tính toán và so sánh giá xuất khẩu và giá trị thông thường của sản phẩm*” và “*sự xem xét có liên quan đến xác định thiệt hại*” lại không được thể hiện rõ. Nói cách khác, yêu cầu về “*kết luận điều tra cho thấy sự cần thiết phải áp dụng biện pháp chống bán phá giá (...) chính thức*” của Nghị định có thể sẽ vẫn được làm theo cách thức đã được tiến hành trong ba vụ việc chống bán phá giá trước đây, từ đó, các thông tin về xác định biên độ phá giá hay xác định thiệt hại đều tiếp tục sẽ không được thể hiện trong quyết định điều tra chính thức.

Vì vậy, trong thời gian tới, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cần lưu ý trong việc ban hành pháp luật để sửa đổi, bổ sung các quy định còn thiếu và đảm bảo sự tương thích của bản thân các quy định cũng như khi áp dụng các quy định đó trong thực tiễn

mức thuế nhập khẩu có hiệu lực áp dụng theo biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu tại từng thời kì;

b) Tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết khác của các nhà sản xuất, xuất khẩu hàng hoá là đối tượng bị áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức;

c) Tên nước sản xuất, xuất khẩu hàng hoá bị áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức;

d) Kết luận điều tra cho thấy sự cần thiết phải áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức;

đ) Biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức cụ thể;

e) Hiệu lực và thời hạn áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức;

g) Mức chênh lệch về thuế phải hoàn trả nếu có;

h) Thủ tục, hồ sơ kiểm tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp chính thức.”

(35). Cụ thể, quyết định này phải có đầy đủ các nội dung sau:

“a) Mô tả hàng hoá nhập khẩu là đối tượng bị áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp trong đó bao gồm tên khoa học, tên thương mại, tên thường gọi; thành phần; các đặc tính vật lí, hoá học cơ bản; mục đích sử dụng chính; quy trình sản xuất; tiêu chuẩn, quy chuẩn của quốc tế và Việt Nam; mã số hàng hoá theo Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và

với các quy định của WTO. Để làm được điều này, tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ nhân lực pháp luật cũng là một việc mà Việt Nam cần quan tâm. Đây sẽ là những yếu tố giúp cho quá trình điều tra chống bán phá giá của Việt Nam đối với hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài trở nên chính xác, đảm bảo công bằng, khách quan và tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ của Việt Nam trong các điều ước quốc tế có liên quan./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alan Sykes, “An economic perspective on as such/facial versus as applied challenges in the WTO and US constitutional systems”, *International Law and Justice Working Papers*, 2013/4, http://www.iilj.org/wp-content/uploads/2016/08/Sykes-An-Economic-Perspective-on-As-Such-or-Facial-versus-As-Applied-Challenges-IILJ-WP-2013_4-IEL.pdf
2. Bộ công thương, Cục quản lý cạnh tranh, *Kết luận điều tra sơ bộ vụ việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số mặt hàng thép hình H có xuất xứ từ Cộng hoà nhân dân Trung Hoa (bao gồm cả Hồng Kông)*, AD03, ngày 04/03/2017.
3. David Palmeter, “Material Retardation in the Establishment of an Industry Standard in Antidumping Cases”, *Journal of World Trade Law*, 1987, vol. 21, n^o. 6.
4. *European Communities – Anti-dumping duties on Imports of cotton-type bed linen from India*, Report of Panel, 30 October 2000, WT/DS141/R.
5. Hyung Jin Kim, “Korean Anti-dumping System”, *Journal of World Trade*, 1996, vol. 30, n^o. 2
6. Kofi Oteng Kufour, “Africa and the Anti-Dumping Issues in the Doha Round”, *African Journal of International and Comparative Law*, 2009, vol. 17, n^o. 1
7. Prakask Narayanan, “Injury Investigation in ‘Material Retardation’ Antidumping Cases”, *Northwestern Journal of International Law & Business*, 2004, vol. 25, n^o. 1
8. Sheela Rai, “Analysis of the Draft Anti-dumping Agreement, Chairperson’s Text 2007 in Light of the Jurisprudential Background”, *Manchester Journal of International Economic Law*, 2008, vol. 5, n^o. 2
9. Đoàn Thị Ngọc Hải, “Thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính theo quy định của Luật tố tụng hành chính năm 2015”.: <http://www.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/ng-hien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2104>
10. Trung tâm WTO, Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam, “Giải pháp tăng cường sử dụng các công cụ phòng vệ thương mại nhằm chuẩn bị cho doanh nghiệp trong nước sẵn sàng cho việc mở cửa thị trường thực thi các FTA và Cộng đồng kinh tế ASEAN”, *Báo cáo nghiên cứu*, Hà Nội, 2014, http://www.trungtamwto.vn/sites/default/files/wto-center/attachments/ng-hien-cuu_pvtm-cefiiv.pdf
11. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật hành chính Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2010.
12. WTO, *Report (2017) of the Committee on Anti-dumping Practices*, adopted 25 October 2017, G/L/1193, G/ADP/24.